



gān yóu

甘油

noun · glycerin

Example Sentences

gān yóu cháng yòng yú hù fū pǐn zhōng

甘油 常 用 于 护 肤 品 中 。

Glycerin is often used in skincare products.

zhè zhǒng yào gāo hán yǒu gān yóu chéng fèn néng bǎo shī pí fū

这 种 药 膏 含 有 甘 油 成 分 ， 能 保 湿 皮 肤 。

This ointment contains glycerin and can moisturize the skin.

Trace each character, then write the word on your own.

甘	甘	甘	甘	甘	甘	甘				
油	油	油	油	油	油	油	油	油	油	油